

Bản án số: 169/2023/DS-PT

Ngày: 25/7/2023

V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chia thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán:

- Ông Khuru Đẻ Dành.
- Ông Lê Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Dương Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; yêu cầu chia di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 195/2022/QĐ-PT ngày 18/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 228/2022/QĐ-PT ngày 15/8/2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 188/2023/QĐ-PT ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Lê Phước T, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Phước T: Luật sư Phạm Thái B – Văn phòng luật sư TB thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, địa chỉ: Tổ 04, đường số 02, ấp HL 1, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Bị đơn:** ông Lê Văn S, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm:**

1. Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1945; nơi cư trú: ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ 08, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Văn S đại diện theo ủy quyền (**văn bản ủy quyền ngày 25/12/2020**).

3. Ông Lê Văn P, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Văn S đại diện theo ủy quyền (**văn bản ủy quyền ngày 28/10/2020**).

4. Bà Lê Thị B1 (vợ ông C chết năm 2004), sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Văn S đại diện theo ủy quyền (**văn bản ủy quyền ngày 24/12/2020**).

5. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Văn S đại diện theo ủy quyền (**văn bản ủy quyền ngày 17/11/2014**).

6. Cháu Lê Văn Hiếu N (con ông C chết năm 2004), sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

7. Cháu Lê Thanh Hòa Th (con ông C chết năm 2004), sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

8. Ông Lê Hữu H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

9. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

10. Cháu Lê Hoài Ph, sinh năm 2007;

11. Cháu Lê Hữu T1, sinh năm 2012;

Cùng nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông H, bà V là cha mẹ ruột của em Ph và em T1 đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

12. Cháu Lê Thị Ngân Th1, sinh năm 2012; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Văn S đại diện theo pháp luật.

13. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Phước T đại diện theo ủy quyền (**văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021**).

14. Bà Lê Thị Phước D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Phước T đại diện theo ủy quyền (**văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021**).

15. Ông Lê Phước Th2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Phước T đại diện theo ủy quyền (**văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021**).

16. Ông Lê Văn Ph1, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 03, ấp LB, xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang. Do ông Lê Phước T đại diện theo ủy quyền (**văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021**).

17. Ủy ban nhân dân huyện CP; địa chỉ: ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang, do bà Nguyễn Thị Ngọc L1, chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CP đại diện (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: ngày 28/01/2022 nguyên đơn Lê Phước T kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa hoặc hủy án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2014 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Phước T trình bày:

Ông được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp diện tích đất là 503,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF cấp ngày 17/6/2002, nguồn gốc đất là của cha mẹ (cha ông Là Văn Ph2, bà O) cho ông khi còn sống. Khi nhà nước đo đạc trả phần đất cha ông là người chỉ ranh giới, có tứ cận ký, đồng thời khi đo đất cấp cho ông thì trên đất có nhà của bà Lê Thị L, bà L có ký tên trong hồ sơ cấp đất, trên đất có nhà của ông, sau này bà L đã di dời nhà đi nơi khác, nhà của ông cũng dời về khu dân cư ở (không nhớ năm nào). Đến năm 2010, ông S tự ý cất nhà ở trên diện tích đất của ông, khi đó gia đình ông đi làm ăn xa không ai hay biết. Đến năm 2011, ông trở về phát hiện và yêu cầu ông S phải tháo dỡ nhà trả lại đất cho ông nhưng ông S không đồng ý và hai bên phát sinh tranh chấp. Nay ông T yêu cầu ông Lê Văn S, bà Lê Thị Đ (vợ ông S), cháu Lê Thị Ngân Th1 (con ông S) phải tháo dỡ, di dời căn nhà diện tích 33,5m² trả lại đất cho ông và gia đình ông.

Bị đơn ông Lê Văn S trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu của ông T, nguồn gốc đất là của cha mẹ là ông Ph2, bà O chết để lại chưa chia cho các con, ông S đã cất nhà ở trên đất này từ năm 1996 do cha mẹ cho một phần đất để cất nhà ở. Năm 2009, ông S cất lại nhà để nuôi cha già (ông Ph2) cho đến khi cha mất. Việc ông T đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông và các anh em không ai hay biết, khi đó trên đất có nhà của bà Lê Thị L, đến khi ông T về kêu ông di dời

nhà trả lại đất thì ông mới biết đất này ông T đã được cấp QSD đất cho ông T. Do đó, đối với yêu cầu của ông T, ông S không đồng ý, yêu cầu giám định chữ ký tên của bà Lê Thị L trong hồ sơ cấp giấy QSD đất cho ông T.

Ông S yêu cầu phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDD/mF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m² đất tọa lạc tại xã OLV, huyện CP, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này cho các đồng thừa kế.

Ngoài ra, năm 2019 ông S có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Hùng C đứng tên diện tích khoảng 708,7m² để chia thừa kế theo pháp luật, năm 2020 ông S có đơn xin rút lại yêu cầu hủy giấy của ông Lê Hùng C đứng tên diện tích khoảng 708,7m².

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L trình bày:

Bà là chị ruột của ông S và ông T, khi cha mẹ (ông Ph2, bà O) còn sống chỉ chia đất ruộng cho con trai, còn bà là con gái không được chia đất ruộng, đất ruộng bà có được là do mua lại từ ông bà nội của bà. Đối với căn nhà bà cất trên đất là của cha mẹ khi còn sống cha, mẹ bà đứng ra cất nhà cho bà ở vào năm 1997, việc ông T kê khai QSD đất, trên đất ngày đó có nhà của bà, bà không hay biết và cũng không có ký tên vào hồ sơ cấp giấy cho ông T. Bà L thống nhất việc ông S yêu cầu giám định chữ ký tên của bà trong hồ sơ cấp giấy cho ông T, năm 2004, bà mua nền trên khu dân cư và dời nhà về đó ở đến nay, bà yêu cầu độc lập hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDD/mF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m², yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này.

Ngoài ra, năm 2019 bà L có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Hùng C đứng tên diện tích khoảng 708,7m² để chia thừa kế theo pháp luật, năm 2020 bà L có đơn xin rút lại yêu cầu hủy giấy của ông Lê Hùng C đứng tên diện tích khoảng 708,7m².

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Q trình bày:

Nguồn gốc đất đã cấp cho ông Lê Phước T là của cha mẹ (ông Ph2, bà O) khi còn sống đã cho ông T, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông yêu cầu giữ nguyên diện tích đã cấp cho ông T. Đối với phần đất đã cấp cho ông Lê Hùng C, ông Q yêu cầu hủy giấy vì trên đất này có nhà của ông và con ông là Lê Văn H cất nhà ở, khi ông C làm thủ tục cấp giấy ông không biết và không có ký tên vào hồ sơ cấp giấy đất cho ông C, do ông đang tranh chấp với ông C nên ông C chưa được nhận giấy.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P trình bày:

Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDD/mF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m², yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này, năm 2019 ông P có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Hùng C đứng tên diện tích khoảng 708,7m² để

chia thừa kế theo pháp luật, năm 2020 ông Phải có đơn xin rút lại yêu cầu hủy giấy của ông Lê Hùng C đứng tên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B1 trình bày:

Thống nhất theo yêu cầu của bà L, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDĐ/mF do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m², yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất này. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chồng bà là ông Lê Hùng C (đã chết) bà cũng thống nhất yêu cầu hủy giấy để đưa vào chia thừa kế theo pháp luật, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C hiện bà chưa nhận được do sau khi ông C chết anh em có tranh chấp nên bà không nhận được giấy.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Hiếu N, Lê Thanh Hòa Th (là con của ông Lê Hùng C đã chết) trình bày thống nhất theo yêu cầu của bà Lê Thị B1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CP do ông Lê Văn L2 trình bày:

Tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất cho ông T vào năm 2002 là thực hiện theo Thông tư số: 1990/2001/TTĐC ngày 30/11/2001 của Tổng Cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 05/11/2001, ông T làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất, đất có nguồn gốc của ông Lê Văn Ph2 cho con vào năm 1993, được đoàn đo đạc lập biên bản, đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất, có tứ cận ký tên đầy đủ, trên thửa đất có 02 căn nhà của ông Lê Phước T và nhà của bà Lê Thị L, bà L có ký tên cho ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được chính quyền địa phương xét duyệt có thông báo công khai, ký tên xác nhận đầy đủ đúng theo trình tự thủ tục quy định, về nội dung hồ sơ cấp đất cho ông T thì do Tòa án xem xét.

Đối với ông Lê Hữu H, Ngô Thị V, Lê Hoài Ph, Lê Hữu T1, Nguyễn Thị T2, Lê Thị Phước D, Lê Phước Th2, Lê Văn Ph1 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng những người này không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của họ.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của ông Lê Văn S, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tên của bà Lê Thị L tại “Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất”. Tại kết luận giám định số 222/KLGD-PC54 ngày 14/9/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang đã kết luận như sau: ***“Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký mang tên Lê Thị L”*** trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký mang tên Lê Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 – M6 do cùng một người ký ra hay không; ***Chữ viết tên “Lê Thị L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết mang tên “Lê Thị L” trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 – M4 không phải do cùng một người viết ra”***.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang căn cứ: Điều 26; Điều 34; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 163; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 635; Điều 645; Điều 675; Điều 676; Điều 677; Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2; Điều 73 của Luật đất đai năm 1993; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước T đối với ông Lê Văn S về việc yêu cầu ông S di dời nhà trả lại diện tích đất 33,5m².

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Văn S về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Phước T và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Phước T và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04990/QSDD/mF thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 14 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 17/6/2002 cho hộ ông Lê Phước T diện tích 503,7m² đất tọa lạc tại xã OLV, huyện CP.

Xác định diện tích đất 503,7m² (theo bản trích đo hiện trạng ngày 21/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CP diện tích là 468m² sau khi đã trừ hành lang lộ giới thuộc quản lý của nhà nước) đất tọa lạc tại xã OLV, huyện CP là di sản của cụ Lê Văn Ph2 và cụ Nguyễn Thị O, di sản được chia theo pháp luật cho các thừa kế như sau:

+ Ông Lê Phước T được hưởng diện tích 78,5m² tại các điểm 1, 2, 13, 14;

+ Ông Lê Hồng Q được hưởng diện tích 78m² tại các điểm 2, 3, 12, 13;

+ Ông Lê Văn P được hưởng diện tích 78m² tại các điểm 3, 4, 11, 12;

+ Ông Lê Văn S được hưởng diện tích 77,9m² (phần của bà Lê Thị L tại các điểm 4, 5, 10, 11) + 77,8m² (phần của ông Lê Văn S tại các điểm 5, 6, 9, 10) + 77,8m² (phần của Lê Văn Hiếu N, Lê Thanh Hòa Th được hưởng thừa kế thế vị của ông C tại các điểm 6, 7, 8, 9) = 233,5m² (*Đính kèm bảng trích đo hiện trạng ngày 21/12/2020*)

Ông Lê Văn S có nghĩa vụ hoàn lại giá trị đất cho bà Lê Thị L số tiền 31.160.000đ (77,9m² x 400.000đ/m² = 31.160.000đ); hoàn cho Lê Thanh Hòa Th và Lê Văn Hiếu N mỗi người 15.560.000đ (77,8m² x 400.000đ/m² = 31.120.000đ chia thành hai phần cho Hòa Th và Hiếu N nên mỗi người được nhận 15.560.000đ).

- Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Hồng Q, ông Lê Văn S, bà Lê Thị L, ông Lê Văn P, bà Lê Thị B1, Lê Văn Hiếu N và Lê Thanh Hòa Th đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Hùng C, do các đương sự rút yêu cầu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- **Về chi phí tố tụng:** buộc ông Lê Phước T phải trả lại cho ông Lê Văn S phí thẩm định, định giá số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) và phí giám định số tiền 2.570.000đ (Hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lê Phước T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và 1.558.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) tương ứng với giá trị di sản được chia. Được khấu trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 06289 ngày 21/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, ông T còn phải nộp thêm 1.558.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng).

+ Ông Lê Văn S phải chịu 1.558.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) tương ứng với giá trị di sản được chia. Được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005571 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, ông S còn phải nộp thêm 1.258.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

+ Bà Lê Thị L phải chịu 1.558.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) tương ứng với giá trị di sản được chia. Được khấu trừ vào 5.062.500đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001244 ngày 22/10/2014 và 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005572 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, bà L được nhận lại số tiền 3.804.500đ (Ba triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng).

+ Ông Lê Hồng Q phải chịu 1.558.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) tương ứng với giá trị di sản được chia.

+ Ông Lê Văn P phải chịu 1.558.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) tương ứng với giá trị di sản được chia. Được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005570 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, ông P còn phải nộp thêm 1.258.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

+ Ông Lê Văn Hiếu N và ông Lê Thanh Hòa Th cùng phải chịu 1.558.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) tương ứng với giá

trị di sản được chia. Được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005574 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, ông Hiếu N và Hòa Th còn phải nộp thêm 1.258.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng).

+ Bà Lê Thị B1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà Bằng số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005573 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2022 nguyên đơn ông Lê Phước T kháng cáo, đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa hoặc hủy án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của bị đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T xác định giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý chia thừa kế QSD đất diện tích 503,7m² đất tọa lạc tại xã OLV, huyện CP, tỉnh An Giang do UBND huyện CP cấp cho ông T ngày 17/6/2002, ông không cung cấp thêm chứng cứ mới, ông thống nhất kết quả đo vẽ lại ngày 15/5/2023 của của cơ quan chuyên môn làm căn cứ xét xử, ông T xác định đất ông được cấp QSD đất năm 2002, thời điểm này cha, mẹ ông còn sống (cha tên Ph2 chết năm 2012, mẹ tên O chết năm 2008) không tranh chấp, các thừa kế cũng không tranh chấp, mãi đến năm 2014 ông S mới tranh chấp, tòa sơ thẩm hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông để chia thừa kế là chưa đúng pháp luật; theo kết quả đo vẽ mới ngày 15/5/2023 phát sinh đất ông C được cấp QSD đất chồng lên QSD đất của ông diện tích 106m², ông Q không yêu cầu chia thừa kế đất của ông đứng tên, tòa sơ thẩm lại chia đất của ông cho ông Q là không đúng pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, nên ông T đề nghị tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án để ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông C, yêu cầu ông C trả diện tích 106m² cho ông mới đảm bảo quyền lợi của ông.

Luật sư Phạm Thái B bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông T xác định trong quá trình giải quyết vụ án, tòa sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng đó là:

- Ông Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông C (ông Q không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/01/2022 ông Q cũng không rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông C); ông Q không yêu cầu chia thừa kế diện tích 503,7m² của ông T, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông T, tòa sơ thẩm lại không giải quyết yêu cầu của ông Q với ông C, nhưng lại chia thừa kế diện tích 503,7m² của ông T cho ông Q là không đúng pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi của ông T, giải quyết vượt ngoài yêu cầu của ông Q.

- Em N, em Th con ông C thống nhất ý kiến với bà B1 (vợ ông C, vì trên đất ông C có nhà ông C) yêu cầu chia thừa kế diện tích 503,7m² của ông T, không có ý kiến giao đất thừa kế được chia cho ông S, tòa sơ thẩm lại giao đất được chia thừa kế của em N, em Th cho ông S, buộc ông S trả giá trị đất cho em N, em Th là không đúng pháp luật, hơn nữa bỏ sót quyền thừa kế, yêu cầu chia thừa kế của bà B1 là vợ ông C là bỏ sót yêu cầu của đương sự.

- Tòa sơ thẩm khi thẩm định tài sản trên đất, không có mặt ông T, ông Q, chỉ có ông S, bà B, khi xem xét thẩm định ghi nhận không đúng hiện trạng đất ở của các thừa kế đang ở tại vị trí nào, phân định đất thực tế trên đất ai (biên bản thẩm định do Luật sư có đơn xin photo BL 96, 97 trước khi xử sơ thẩm không có chữ ký của Thẩm phán, Thư ký tham gia thẩm định ký tên, không hiểu sao nay lại có ký tên trong biên bản này, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét rõ), việc xem xét, thẩm định không chặt chẽ tài sản trên đất, nên việc tòa sơ thẩm chia thừa kế cho các đương sự có diện tích 106m² nằm trọn trong diện tích 805m² của ông C được UBND huyện CP cấp cho ông C ngày 17/06/2002, nên không thể thi hành án.

- Theo đó tại bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp thừa kế ngày 15/5/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP thì đất của ông T đang sử dụng diện tích 106m² nằm trong diện tích 503,7m² của ông T được cấp năm 2002 lại nằm trong diện tích 805m² của ông C được UBND huyện CP cấp cho ông C ngày 17/6/2002, nội dung này cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên không thể giải quyết tại cấp phúc thẩm.

Do đó, tôi đề nghị tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho tòa sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, để ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông C, yêu cầu các thừa kế ông C trả lại diện tích 106m² cho ông T mới đảm bảo quyền lợi của ông T.

Bị đơn ông S và là người đại diện theo ủy quyền cho ông P, bà Đ, bà B1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án xác định:

Ông thống nhất kết quả đo vẽ lại ngày 15/5/2023 của của cơ quan chuyên môn để tòa phúc thẩm làm căn cứ xét xử, ông S xác định ông và ông P, bà L, bà B1 cùng phản tố yêu cầu chia thừa kế trong diện tích 503,7m², yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông T đứng tên diện tích 503,7m² nhưng tòa sơ thẩm chỉ chia thừa kế cho các thừa kế diện tích 468m² là không giải quyết hết yêu cầu của ông, do không hiểu pháp luật nên không kháng cáo, ông S còn xác định khi tranh chấp ông Q không yêu cầu chia thừa kế diện tích 503,7m², không yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông T đứng tên diện tích 503,7m² ông Q chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất diện tích 805m² do UBND huyện CP cấp cho ông C, nhưng không rõ vì sao Tòa sơ thẩm lại chia đất của ông T cho ông Q, không giải quyết việc ông Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất diện tích 805m² của ông C, ông S xác định thực tế tại đất thì hiện nay toàn bộ 04 căn nhà (ông H, ông Q, ông C, ông P) nằm trọn trong diện tích 805m² của ông C đứng tên, nhà ông nằm trọn trong diện tích 503,7m² của ông T (đúng như Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thẩm định ngày 16/8/2022 có ông ký tên) chỉ có nhà ông trên

đất ông T, đất chia thừa kế cho ông, đất ông thụ hưởng từ các thừa kế của ông C, bà L, ông hoàn giá trị đất cho bà L và con ông C, thì các diện tích đất này thuộc diện tích 106m² lại nằm trong diện tích 805m² của ông C được UBND huyện CP cấp cho ông C ngày 17/6/2002, nên không thể thi hành án, hơn nữa theo bản vẽ ngày 15/5/2023 thì đất ông C được cấp giấy lại nằm trong diện tích 503,7m² của ông T diện tích 106m², nên ông đề nghị Tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho tòa sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, để ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông C, yêu cầu chia thừa kế đất ông C và để ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông T, yêu cầu chia thừa kế đất ông T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Q trình bày:

Thông nhất kết quả đo vẽ lại ngày 15/5/2023 của cơ quan chuyên môn đề Tòa án nhân dân tỉnh An Giang làm căn cứ xét xử, ông Q xác định tại cấp sơ thẩm ông không yêu cầu chia thừa kế diện tích 503,7m² của ông T, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông T đứng tên diện tích 503,7m², ông chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất diện tích 805m² của ông C được UBND huyện CP cấp cho ông C, ông không rút yêu cầu hủy giấy đất ông C, tại phiên tòa sơ thẩm ông có mặt, ông cũng không rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất diện tích 805m² của ông C, không rõ sao Tòa án nhân dân huyện CP không giải quyết yêu cầu của ông, lại giải quyết nội dung ông không yêu cầu, do không hiểu pháp luật nên ông không kháng cáo, ông xác định hiện nay 04 căn nhà (nhà ông H, nhà ông Q, nhà ông C, nhà ông P) nằm trọn trong diện tích 805m² của ông C đứng tên, nhà ông S nằm trong diện tích 503,7m² của ông T, ông đề nghị Tòa phúc thẩm hủy án sơ thẩm, đề tòa sơ thẩm giải quyết lại yêu cầu của ông.

Ông T, ông S, ông Q không có ý kiến về giá đất, các đương sự thống nhất giá đất do cấp phúc thẩm áp dụng giá đất là 400.000 đồng/m² làm căn cứ xét xử đối với vụ án (không yêu cầu áp dụng giá đất theo giá thị trường để xét xử).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu:

- **Về tố tụng:** Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Trên cơ sở chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai và yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, phát biểu đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu với quy định pháp luật, Viện kiểm sát nhận thấy; Trong quá trình thụ lý xét xử vụ án, Tòa sơ thẩm có thiếu sót và vi phạm tố tụng cụ thể là:

- Ông S, ông P, bà B1, bà L, con ông C yêu cầu chia thừa kế diện tích 503,7m², yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất diện tích 503,7m² do T đứng tên, án sơ thẩm nhận định chỉ chia thừa kế diện tích 648m², không nhận định chia thừa kế diện tích 35,7m² đất hành lang lộ giới thuộc QSD đất của ông T

được cấp năm 2002 cho các thừa kế là không phù hợp pháp luật (không giải quyết triệt để yêu cầu của các thừa kế).

- Không giải quyết yêu cầu của ông Q, ông Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất do ông C đứng tên diện tích 805m² (ông C chết năm 2004) cấp sơ thẩm không nhận định giải quyết.

- Tòa sơ thẩm xử chia thừa kế là đất của ông T cho ông Q là ngoài yêu cầu của ông Q (vì ông Q không yêu cầu chia thừa kế diện tích 503,7m², không yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất diện tích 503,7m² do T đứng tên) gây thiệt hại cho các thừa kế.

- Không thu thập chứng cứ đất của các thừa kế gắn liền đất ở tại vị trí nào, có thuộc đất của ông T không, nên khi xử chia đất cho các thừa kế trong vụ án thì đất của các thừa kế được chia, tất cả đất các thừa kế được chia có một phần diện tích nằm trong diện tích 805m² của ông C đứng tên, nên không thể thi hành án.

- Căn cứ biên bản xác minh ngày 16/8/2022 của Tòa phúc thẩm, căn cứ vào bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp thừa kế ngày 15/5/2023 của Văn phòng dẫn ký đất đai – Chi nhánh CP thì trên tổng diện tích 503,7m² do T được cấp QSD đất năm 2002 thì chỉ có nhà ông bị đơn ông S, theo đó trong diện tích 805m² do ông C đứng tên thì có diện tích 106m² lại nằm trong diện tích 503,7m² do T được cấp QSD đất năm 2002, diện tích đất 106m² trước do ông C sử dụng, nay các thừa kế ông C sử dụng (tại phiên tòa phúc thẩm ông T xác định đất này hiện do ông S canh tác), ông C chết phát sinh thừa kế, diện tích 805m² do ông C đứng tên chưa được cấp sơ thẩm giải quyết, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét.

Từ phân tích, nhận định trên cho thấy việc thiếu sót và vi phạm tố tụng của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử Tòa phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 phúc xử: chấp nhận kháng cáo của ông Lê Phước T, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CP giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung, đề nghị Tòa phúc thẩm xử lý án phí, chi phí tố tụng theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến đề nghị của các đương sự, Luật sư, đề nghị của Viện kiểm sát, đối chiếu với quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 28/01/2022 bị đơn Lê Phước T kháng cáo không đồng ý chia thừa kế diện tích đất 468m² do ông đứng tên QSD đất, đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, sửa hoặc hủy án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của bị đơn, người liên quan và nộp tạm ứng án phí

phúc thẩm trong hạn luật định nên được xem là kháng cáo hợp lệ, do đó, nội dung kháng cáo của ông T được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện CP có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Hiếu N, Hòa Th, ông H, bà V, Hoài Ph, Hữu T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, ông Q, ông S cùng yêu cầu Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi chung cho các đương sự bởi việc tuyên xử chia đất cho các thừa kế trong vụ án không thể thi hành án được, đất chia thừa kế cho các thừa kế được nhận đất có một phần đất được chia nằm trong diện tích 805m² thuộc quyền sử dụng đất của ông C được cấp (diện tích 805m² đất ông C chưa được giải quyết tại cấp sơ thẩm).

[1.4] Ông T, ông S, ông Q thống nhất yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng giá đất là 400.000 đồng/m² làm căn cứ xét xử đối với vụ án (không yêu cầu áp dụng giá đất theo giá thị trường để xét xử) nên Hội đồng xét xử không xem xét lại về giá đất.

[2] **Về nội dung:** Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa sơ thẩm có thiếu sót và vi phạm tố tụng đó là:

[2.1] Về tố tụng:

Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, xét xử sơ thẩm, ông Q người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Lê Hùng C đứng tên, ông Q không yêu cầu chia thừa kế diện tích 503,7m² do ông T được UBND huyện CP cấp cho ông T ngày 17/6/2002, không yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông T, không có đơn chứng minh ông Q rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Lê Hùng C đứng tên, tại Biên bản phiên tòa ngày 25/01/2022 (BL649 đến BL652) không thể hiện nội dung, ý kiến ông Q tự nguyện rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất diện tích đất 805,7m² của ông Lê Hùng C (tất cả nội dung yêu cầu của ông Q được ông S, ông T, ông Q xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm, riêng ông Q còn khẳng định ông không có đơn rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích 805m² do ông C đứng tên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/01/2022 ông cũng không rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất đối với tích 805m² do ông C đứng tên). Do đó, việc Tòa sơ thẩm giải quyết xử chia thừa kế một phần diện tích đất 503,7m² của ông T được cấp QSD đất ngày 17/6/2002 cho ông Q, không giải quyết nội dung ông Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất diện tích đất 805,7m² của ông C, là giải quyết vượt quá yêu cầu của ông Q, không giải quyết yêu cầu của ông Q nên đã vi phạm tố tụng.

[2.2] Phần Quyết định không tuyên chấp nhận yêu cầu của ông P, yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông T và chia thừa kế theo pháp luật, nhưng lại tuyên chia cho ông P được hưởng diện tích 77m² tại các điểm 3, 4, 11, 12

theo bản vẽ ngày 21/12/2020 là không phù hợp với pháp luật (Bản án gốc BL 661 đến 668).

[2.3] Về nội dung:

Căn cứ và biên bản xem xét, thẩm định lại ngày 02/8/2022, bên bản thẩm tra hiện trạng đất tranh chấp ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và tại Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/5/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP cung cấp cho tòa phúc thẩm thì thấy;

Theo bản vẽ ngày 30/3/2017 và bản vẽ ngày 21/12/2020 (tòa sơ thẩm làm căn cứ chia thừa kế là đất); Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 15/5/2023, thể hiện diện tích 503,7m² thuộc QSD đất do ông T đứng tên (06 lô đất phân định chia thừa kế tổng diện tích 468m², tòa sơ thẩm không chia đất hành lang lộ giới 35,7m² thuộc QSD đất diện tích 503,7m² do ông T được UBND huyện CP cấp cho ông T ngày 17/6/2002), trên diện tích 503,7m² tranh chấp chia thừa kế chỉ có căn nhà ở của ông S; nhà ông H con ông Q, nhà ông Q, nhà ông C chết do vợ ông C là bà B1 sử dụng, nhà ông P, nhà bà L nằm trong diện tích 805m² do ông C đứng tên QSD đất (**giấy chứng nhận QSD đất ông C thuộc tờ bản đồ số 14, thửa 03, số giấy H5478/mF ngày 17/6/2002**), đất ông C nằm liền kề với diện tích 503,7m² thuộc QSD đất do ông T đứng tên được phân định thành 06 lô đất do tòa sơ thẩm chia thừa kế diện tích 468m² cho các thừa kế, việc tòa sơ thẩm không chia thừa kế diện tích đất 35,7m² thuộc QSD đất diện tích 503,7m² do ông T được UBND huyện CP cấp cho ông T ngày 17/6/2002 theo yêu cầu chia thừa kế của ông S, ông P, bà L, các thừa kế ông C (chết năm 2004) là chưa đúng quy định pháp luật được quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

[3] Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, đối chiếu với quy định pháp luật nhận thấy;

Tại Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP xác định đất chia thừa kế là 468m² trên cơ sở bản vẽ ngày 21/12/2020 (BL306) của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP lập (thuộc giấy chứng nhận QSD đất diện tích 503,7m² trong đó có đất hành lang lộ giới 35,7m² do UBND huyện CP cấp cho ông T ngày 17/6/2002) để tuyên xử chia di sản thừa kế theo pháp luật diện tích 468m² cho các cụ thể như sau:

- + Ông Lê Phước T được hưởng diện tích 78,5m² tại các điểm 1, 2, 13, 14;
- + Ông Lê Hồng Q được hưởng diện tích 78m² tại các điểm 2, 3, 12, 13;
- + Ông Lê Văn P được hưởng diện tích 78m² tại các điểm 3, 4, 11, 12;
- + Ông Lê Văn S được hưởng: diện tích 77,9m² (phần của bà Lê Thị L tại các điểm 4, 5, 10, 11) + 77,8m² (phần của ông Lê Văn S tại các điểm 5, 6, 9, 10) + 77,8m² (phần của Lê Văn Hiếu N, Lê Thanh Hòa Th được hưởng thừa kế thế vị của ông C tại các điểm 6, 7, 8, 9) = 233,5m² (**theo bản trích đo hiện trạng ngày 21/12/2020**).

Tuy nhiên, khi thực hiện xem xét, thẩm định kiểm tra tại thực địa đất tranh chấp, thu thập chứng cứ do tòa phúc thẩm thực hiện thì thấy; Tất cả các giới hạn vị trí đất, diện tích của các thửa kế theo 06 lô chia thửa kế cho ông Lê Phước T, ông Lê Hồng Q, ông Lê Văn P, ông Lê Văn S, phần đất ông S được thụ hưởng của bà Lê Thị L, của Lê Văn Hiếu N, Lê Thanh Hòa Th là con ông C (đã chết) do án sơ thẩm xử chia đất cho các thửa kế thì đất phần hậu của 06 lô được chia theo bản án nêu trên có diện tích 106m² lại nằm trong diện tích 805,7m² thuộc tờ bản đồ số 14, thửa 03, số giấy H5478/mF được giới hạn tại các điểm 3, 4, 5, 6 theo bản vẽ ngày 15/5/2023 do UBND huyện CP cấp cho ông Lê Hùng C ngày 17/6/2002, như vậy, với việc chia thửa kế là đất cho các thửa kế trong vụ án như án sơ thẩm đã tuyên ở phần trên thì không thể thi hành án được trong thực tế, vì diện tích đất ở các thửa kế được chia theo quyết định án sơ thẩm nằm trong QSD đất diện tích 805,7m² của ông C đứng tên.

Tại bản trích đo đạc phúc tra lại hiện trạng khu đất (trên đất có nhà ở của các thửa kế) đang tranh chấp thửa kế do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP lập ngày 15/5/2023 cung cấp cho Tòa phúc thẩm thì hiện trạng đất tranh chấp yêu cầu chia thửa kế, thể hiện nhà ở thực tế của các thửa kế phát sinh sự kiện pháp lý, cụ thể đó là:

- Diện tích đất 503,7m² trong đó có đất hành lang lộ giới 35,7m² do UBND huyện CP cấp cho ông T ngày 17/6/2002 (thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 6 diện tích 503,7m²; các điểm 1, 7, 48, 6 diện tích 35,7m²; các điểm 7, 2, 3, 48 diện tích 468m²) thì trong diện tích đất 468m² chỉ có căn nhà ông Lê Văn S diện tích 33,3m² ngoài ra không có nhà ở nào khác của các thửa kế trong vụ án ở trên đất tranh chấp thửa kế diện tích 468m².

- Liên kề diện tích đất 503,7m² là đất của ông T đứng tên QSD đất là diện tích 805,7m² đất thuộc tờ bản đồ số 14, thửa 03, số giấy H5478/mF được giới hạn tại các điểm 3, 4, 5, 6 theo bản vẽ ngày 15/5/2023, diện tích đất 805,7m² do UBND huyện CP cấp cho ông Lê Hùng C ngày 17/6/2002 (ông C đã chết năm 2004) thể hiện.

Cụ thể tại diện tích đất 805,7m² do ông Lê Hùng C (đã chết năm 2004 đứng tên QSD đất) liền kề với diện tích đất 503,7m² thì trên diện tích đất 805,7m² này tồn tại 04 căn nhà của các thửa kế đang tranh chấp yêu cầu chia thửa kế đất ông T diện tích đất 503,7m² (không yêu cầu chia thửa kế tích đất 805,7m² do ông Lê Hùng C đã chết năm 2004 đứng tên QSD đất) trong vụ án này đó là:

- Căn nhà ông Lê Hữu H (con ông Q cạnh mương nước như biên bản thu thập chứng cứ ngày 16/8/2022 do Tòa phúc thẩm thu thập) đang sử dụng gắn liền diện tích đất 22,8m² được giới hạn tại các điểm 40, 41, 42, 43 nằm trong tích đất 805,7m² của ông Lê Hùng C đứng tên QSD đất.

- Căn nhà ông Lê Hồng Q đang sử dụng gắn liền diện tích 54,6m² được giới hạn tại các điểm 34, 35, 36, 37, 38, 39 nằm trong tích đất 805,7m² của ông Lê Hùng C đứng tên QSD đất.

- Căn nhà ông Lê Văn P đang sử dụng gắn liền diện tích 48,1m² được giới hạn tại các điểm 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 nằm trong tích đất 805,7m² của ông Lê Hùng C đứng tên QSD đất.

- Căn nhà ông Lê Hùng C (đã chết), hiện tại nhà này do bà B1 vợ ông C đang sử dụng gắn liền diện tích 78,2m² được giới hạn tại các điểm 29, 30, 31, 32, 33 nằm trong diện tích đất 805,7m² của ông Lê Hùng C đứng tên QSD đất 805,7m².

- Hiện trạng thực tế đất do ông C chồng bà B1 được cấp QSD đất diện tích đất 805,7m² thì có diện tích 106m² (ông C chết năm 2004) tại các điểm 2, 3, 49, 8 theo bản vẽ ngày 15/5/2023 nằm trong diện tích đất 503,7m² do UBND huyện CP cấp cho ông T ngày 17/6/2002.

[4] Tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đủ căn cứ xác định ông Lê Hùng C đã chết (năm 2004) nên phát sinh thừa kế đối với di sản là diện tích đất 805,7m² của ông Lê Hùng C đứng tên QSD đất để lại, trên diện tích đất 805,7m² của ông C hiện tại có 04 căn nhà đó là nhà của ông Lê Hữu H (con ông Q); nhà của ông Lê Hồng Q; nhà của ông Lê Văn P; bà Lê Thị B1 vợ ông C và các con ông C ở, 04 căn nhà này của các thừa kế nêu trên không nằm trong diện tích đất 503,7m² do UBND huyện CP cấp cho ông Lê Phước T ngày 17/6/2002, ông S, ông P, bà L, bà B1 không tranh chấp, riêng ông Q yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất của ông C, cấp sơ thẩm chưa giải quyết đối với yêu cầu của ông Q, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét, hơn nữa diện tích đất 805,7m² ông C đứng tên lại có diện tích 106m² nằm trong giấy chứng nhận QSD diện tích đất 503,7m² do ông T đứng tên, diện tích 106m² cũng chính là đất án sơ thẩm chia đất cho các thừa kế trong vụ án như đã phân tích, viện dẫn phần trên, nên không thể thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, không có căn cứ để cấp phúc thẩm khắc phục theo hướng chia lại đất ở cho các thừa kế theo từng vị trí, hiện trạng sử dụng đất cho các thừa kế trong vụ án như nhận định ở phần trên, đã phân tích rõ tại bản vẽ ngày 15/5/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh CP bởi lẽ; Phát sinh thừa kế đối với di sản là diện tích đất 805,7m² của ông Lê Hùng C đứng tên QSD đất chết để lại, đất do cơ quan nhà nước cấp QSD đất cho ông C tổng diện tích 805,7m² nhưng có diện tích 106m² nằm trong QSD đất diện tích đất 503,7m² của ông T được cấp QSD đất ngày 17/6/2002, để vụ án được giải quyết triệt để đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi chung cho các đương sự cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa sơ thẩm giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

Kháng cáo của ông T được chấp nhận, nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm, ông T được nhận lại tạm ứng án phí phúc thẩm. Do hủy án sơ thẩm, nên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng của các đương sự trong vụ án được xác định lại, khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phước T.
- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.
- Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung do pháp luật quy định.
- Ông Lê Phước T không phải chịu án phí phúc thẩm, ông T được nhận 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003494 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang.
- Bản vẽ ngày 15/5/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai – Chi nhánh CP kèm theo bản án phúc thẩm.
- Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng của các đương sự được xác định lại, khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC- tại Tp HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- THA-DS huyện CP;
- Phòng KTNV- THA tỉnh AG;
- VP- Tòa án tỉnh AG,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tuấn